TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **48** /2024/HSST
Ngày: 10-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S-TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh
***Các Hội thẩm nhân dân*:** Ông Nguyễn Văn Đích
Bà Nguyễn Thị Kim Ngân
- Thư ký phiên tòa: Ông Lã Phú Huy - Là thư ký Tòa án nhân dân quận S, Tp Đà Nẵng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Tuấn Thanh Tứ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, Tp. Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2024/TLST- HS ngày 10 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST- HS ngày 23 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. BÙI TUẤN K; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 04/6/2007 (tại thời điểm phạm tội được 16 tuổi 04 tháng 27 ngày) tại thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: K45/118 đường K, Tổ 35 (tổ 32 cũ), phường K, quận N, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Quang T (SN: 1967) và bà Trần Thị B (SN: 1966), Nơi cư trú: Tổ 32 phường K, quận N, TP. Đà Nẵng. Gia đình bị cáo có ba người con, bị cáo là con út trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: chưa; tiền sự: Chưa.

Bị cáo hiện đang tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 38-1 ngày 10/4/2024.Có mặt.

2. NGUYỄN ANH K; Tên gọi khác: không; Sinh ngày:04/01/2007 (tại thời điểm phạm tội được 16 tuổi 09 tháng 27 ngày) tại thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ 21, phường K, quận N, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Quang V, sinh năm: 1985; Nơi cư trú: Tổ 21, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng và bà Trần Thị Thùy L, sinh năm: 1986; Nơi cư trú: Tổ 04, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Gia đình bị cáo có hai người con, bị cáo là con đầu trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: chưa; tiền sự: Chưa.

Bị cáo hiện đang tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 38-2 ngày 10/4/2024. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Bùi Tuấn K: bà Nguyễn Thị Kim A, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Đà Nẵng theo quyết định cử số 55 ngày 22/02/2024. Có mặt

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Anh K: Ông Võ Văn T, Luật sư văn phòng luật sư T và C thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng được Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Đà Nẵng cử theo quyết định số 56 ngày 22/02/2024. Có mặt

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Bùi Tuấn K: ông Bùi Quang T, sinh năm: 1967 và bà Trần Thị B, sinh năm: 1966. Nơi cư trú: Tổ 32, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng, ông T có mặt, bà B vắng mặt.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Anh K: ông Nguyễn Quang V, sinh năm: 1985; Nơi cư trú: Tổ 21, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng và bà Trần Thị Thùy L, sinh năm: 1986; Nơi cư trú: Tổ 04, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng, Ông V vắng mặt, bà L có mặt.

- Bị hại: Trường Cao đẳng L; Địa chỉ: 101B đường L, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Chí T – chức vụ: Hiệu trưởng. Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Tự Q, sinh năm: 1977, Nơi cư trú: 19 đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo giấy ủy quyền ngày 27/12/2023. Có mặt

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lưu Thiện N, sinh ngày: 19/11/2007. Nơi cư trú: 145/145 đường N, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. có mặt

Người đại diện hợp pháp cho ông Lưu Thiện N: ông Lưu Thiện M, và bà Đặng Thị N. Nơi cư trú: 145/145 đường N, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng, ông M có mặt, bà N vắng mặt.

2. Bà Lê Thị Thanh T, Sinh năm 1981. Nơi cư trú: Số nhà 12 đường L, tổ 26, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. vắng mặt

3. Ông Lê Tự Q, sinh năm: 1977, Nơi cư trú: 19 đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. có mặt

4. Ông Phạm Văn H, Sinh năm 1964. Nơi cư trú: 433 đường O, quận H, thành phố Đà Nẵng. có mặt

5. Bà Phạm Thị Thùy L, Sinh năm 1984. Nơi cư trú: K34/34 đường L, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. có đơn xin xét xử vắng mặt

6. Ủy ban nhân dân phường K, quận N, Đà Nẵng. Địa chỉ: 26FX + P34 S, quận N, Đà Nẵng. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 01/11/2023, sau khi tan học, Lưu Thiện N (SN: 19/11/2007; trú tại: 145/145 đường N, phường P, quận T, Đà Nẵng) và Bùi Tuấn K ngồi chơi tại tầng 5 Trường cao đẳng L số 101B đường L, phường P, quận S, TP. Đà Nẵng. Lúc này, N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên rủ Tuấn K đột nhập vào phòng máy vi tính của nhà trường để lấy trộm thiết bị máy vi tính đem bán lấy tiền tiêu xài thì Tuấn K đồng ý. N gọi điện thoại cho Nguyễn Anh K – là bạn học cùng lớp với N và Tuấn K rủ đến Trường cao đẳng L để tham gia trộm cắp tài sản nhưng Anh K không đồng ý. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, N và Tuấn K đi đến phòng học máy tính F2.5 Khu nhà F quan sát, thấy không có ai, cửa không khoá nên N và Tuấn K đột nhập vào bên trong lấy trộm tài sản. N tháo 01 CPU hiệu FPT Elead, Tuấn K tháo 04 màn hình máy vi tính hiệu FPT Elead, rồi cả hai cùng nhau tháo máy tính lấy trộm 04 RAM và 04 chip. Sau khi tháo xong, N cầm 04 màn hình máy tính, bỏ CPU vào trong ba lô đeo lên tay, Tuấn K bỏ 04 Ram và 04 chip vào trong túi áo. Lúc này, N gọi điện cho Anh K nói đã lấy trộm được tài sản của nhà trường, rủ Anh K đến để cùng chuyển tài sản trộm cắp được mang đi bán lấy tiền chia nhau thì Anh K đồng ý. Khi đến hàng rào Khu nhà F, N và Tuấn K cùng chuyển 04 màn hình trộm cắp được đưa qua khe hở của hàng rào cho Anh K đứng ở bên ngoài hàng rào cầm. Sau đó, Anh K, N và Tuấn K mang tài sản đã trộm cắp được đến cửa hàng máy tính T (tại số 126 đường L, quận S, Đà Nẵng) để bán.

Khi đến cửa hàng máy tính T, N hỏi chủ cửa hàng là chị Lê Thị Thanh T (SN: 1981; trú tại: 126 đường L, quận S, Đà Nẵng) có mua thiết bị máy tính không thì chị T trả lời có. N đưa 02 màn hình máy vi tính và 04 con chip cho chị T xem. Chị T hỏi các thiết bị máy tính này ở đâu mà có thì N trả lời do gia đình có tiệm Internet nhưng không kinh doanh nữa nên cần bán những thiết bị này. Sau khi kiểm tra, chị T nói 02 màn hình và 04 con chip có giá 3.600.000 đồng, nhóm của N đồng ý bán và chia đều cho mỗi người 1.200.000 đồng. Số tài sản còn lại cả nhóm chia nhau đem về sử dụng, cụ thể: N lấy 01 Ram; Anh K lấy 01 màn hình và 01 Ram; Tuấn K lấy 01 màn hình, 01 CPU và 02 Ram. Đến 08 giờ 54 phút ngày 02/11/2023, chị Phạm Thị Thuỳ L (SN: 1984; trú tại: 06 Mỹ An 6, phường A, S, Đà Nẵng) – là giáo viên của Trường cao đẳng L đến Công an phường P trình báo sự việc.

Tang vật tạm giữ:

- 01 màn hình nhãn hiệu FPT Elead 21.5 inch, Serial no: ATAM51A004529.
- 01 màn hình nhãn hiệu FPT Elead 21.5 inch, Serial no: ATAM51A004501.
- 01 màn hình nhãn hiệu FPT Elead 21.5 inch, Serial no: ATAM51A006722.
- 01 màn hình nhãn hiệu FPT Elead 21.5 inch, Serial no: ATAM41A005922.

- 02 Bộ vi xử lý CPU (chip) Intel i3 - 10100, kí hiệu X136E472.
- 01 Bộ vi xử lý CPU (chip) Intel i3 - 10100, kí hiệu X127K401.
- 01 Bộ vi xử lý CPU (chip) Intel i3 - 10100, kí hiệu X128K818.
- 03 thanh RAM 4GB/2666, kí hiệu UNBDDR42666CL19.
- 01 thanh RAM 8GB/2666, kí hiệu UNBDDR42666CL19.
- 01 Cụm CPU vi tính FPT C10100FDN(13-10100/4GB/SD 120GB), kí hiệu WT1110210811.
- Số tiền 3.600.000 đồng (tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam).

Tại Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 29/01/2024 của Hội đồng định giá ài sản tố tụng hình sự xác định:

- 04 màn hình nhãn hiệu FPT Elead 21.5 inch, Serial no: ATAM51A004529, ATAM51A004501, TAM51A006722, ATAM41A005922, trị giá: 3.800.000 đồng.
- 04 Bộ vi xử lý CPU (chip) Intel i3 – 10100, hai cái cùng kí hiệu X136E472, một cái kí hiệu X127K401, một cái kí hiệu X128K818, trị giá: 5.400.000 đồng.
- 03 thanh RAM 4GB/2666, kí hiệu UNBDDR42666CL19, trị giá: 870.000 đồng.
- 01 thanh RAM 8GB/2666, kí hiệu UNBDDR42666CL19, trị giá: 490.000 đồng.
- 01 Cụm CPU vi tính FPT C10100FDN(13-10100/4GB/SD 120GB), kí hiệu WT1110210811, trị giá: 3.400.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản: **13.960.000 đồng**.

* *Về phần dân sự:* Trường cao đẳng L đã nhận lại toàn bộ tài sản đã bị mất nên không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số: 41/2024/CT- VKS ngày 10/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Bùi Tuấn K, Nguyễn Anh K về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước phát biểu giữ nguyên cáo trạng đã truy tố bị cáo và căn cứ vào tính chất, hành vi thực hiện tội phạm, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Bùi Tuấn K, Nguyễn Anh K phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, điều 58, điều 90, 91, 100, điều 36 của BLHS xử phạt Bùi Tuấn K từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.
- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, điều 58, điều 90, 91, 100, điều 36 của BLHS xử phạt Nguyễn Anh K từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản nên không đề cập giải quyết. Chị T đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Không.

Luật sư Nguyễn Thị Kim A trình bày lời bào chữa: Thống nhất về tội danh và điều khoản áp dụng đối với bị cáo Bùi Tuấn K. Thống nhất về các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát quận S đã đề nghị áp dụng. Đề nghị xem xét mức hình phạt thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục học hành.

Luật sư Võ Văn T trình bày lời bào chữa: Thống nhất về tội danh và điều khoản áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Anh K. Thống nhất về các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát quận S đã đề nghị áp dụng. Đề nghị xem xét thêm về điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo mức hình phạt thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục đi học trở thành công dân có ích cho xã hội.

Các bị cáo Nguyễn Anh K, Bùi Tuấn K thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến tranh luận gì

Trường Cao đẳng L xác định vào ngày 01/11/2023 nhà trường có bị mất 01 CPU hiệu FPT Elead, 04 màn hình máy vi tính hiệu FPT Elead, 04 RAM và 04 chip. Tuy nhiên, hiện nay đã nhận lại tài sản trên nên không có yêu cầu bồi thường dân sự.

Chị Lê Thị Thanh T đã nhận lại số tiền 3.600.000 đồng không có yêu cầu bồi thường gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Anh K, Bùi Tuấn K đã nhận thức rõ hành vi phạm tội, rất hối hận về hành vi của mình đã gây ra và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo có cơ hội ở nhà để tiếp tục đi học, giúp đỡ bố mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Anh K, Bùi Tuấn K đã khai nhận: Khoảng 18 giờ ngày 01/11/2023, tại Phòng học máy tính F2.5 Khu nhà F - Trường cao đẳng L, địa chỉ số 101B đường L, phường P, quận S, TP. Đà Nẵng, Lưu Thiện N, Bùi Tuấn K và Nguyễn Anh K đã có hành vi trộm cắp 01 CPU, 04 màn hình máy vi tính, 04 con chip và 04

thanh ram máy vi tính, với tổng giá trị là 13.960.000 đồng của Trường cao đẳng L đem đi bán lấy tiền tiêu xài. Hội đồng xét xử thấy hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận S, Tp Đà Nẵng truy tố là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Quyền sở hữu về tài sản của công dân là bất khả xâm phạm cần phải được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được điều đó, nhưng do xem thường pháp luật, lười lao động, muốn hưởng lợi nhanh chóng từ thành quả lao động của người khác nên lợi dụng sự sơ hở của bị hại, lén lút cố ý thực hiện hành vi trộm cắp 01 CPU, 04 màn hình máy vi tính, 04 con chip và 04 thanh ram máy vi tính, với tổng giá trị là 13.960.000 đồng của Trường cao đẳng Lđem đi bán lấy tiền tiêu xài. Do đó cần phải quyết định một mức án xử lý thật nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo thì thấy:

Trong vụ án này, N (chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự) nảy sinh ý định trộm cắp, là người rủ rê, khởi sướng bị cáo Bùi Tuấn K và Anh K thực hiện việc trộm cắp, lúc này Bùi Tuấn K đồng ý còn Nguyễn Anh K không đồng ý. Tuy nhiên, sau khi N và Bùi Tuấn K đã lấy trộm xong tài sản cần có người hỗ trợ đưa ra khỏi Trường học thì N mới gọi điện cho Nguyễn Anh K thông báo và rủ Anh K đến chuyển tài sản trộm cắp thì Anh K đồng ý rồi cùng nhau mang bán chia tiền tiêu xài. Như vậy, trong vụ án này bị cáo Bùi Tuấn K tham gia với vai trò tích cực hơn bị cáo Nguyễn Anh K do đó hình phạt dành cho bị cáo Bùi Tuấn K phải cao hơn Nguyễn Anh K mới phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Bùi Tuấn K và Nguyễn Anh K không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Cả 02 bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra, cả 02 bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Anh K có ông ngoại là Trần Hồng H được nhà nước trao tặng huân chương kháng chiến hạng Ba, bị cáo Bùi Tuấn K có bà nội là Phạm Thị T được nhà nước trao tặng huân chương kháng chiến hạng Nhì và kỉ niệm chương chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đầy trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Tại thời điểm các bị cáo phạm tội 02 bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, còn hạn chế về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên Hội đồng xét xử áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại Điều 90, 91, 100, 101 của Bộ luật hình sự để áp dụng cho 2 bị cáo để thể hiện chính sách nhân đạo và sự khoan hồng của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để áp dụng quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Bùi Tuấn K để bị cáo được hưởng án treo,

không cần thiết xử cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng đủ sức răn đe.

Đối với bị cáo Nguyễn Anh K hiện có chỗ ở ổn định, tham gia vai trò thấp hơn bị cáo Bùi Tuấn K nên xét thấy không cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự nhằm tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Cả bị hại và bà Lê Thị Thanh T không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về xử lý vật chứng: Ngày 31/01/2024 Cơ quan CSĐT Công an quận S đã trao trả 04 màn hình nhãn hiệu FPT Elead 21.5 inch, Serial no:ATAM51A004529,ATAM51A004501,TAM51A006722,ATAM41A005922, 04 Bộ vi xử lý CPU (chip) Intel i3 – 10100, hai cái cùng kí hiệu X136E472, một cái kí hiệu X127K401, một cái kí hiệu X128K818; 04 thanh ram máy vi tính trong đó 03 thanh RAM 4GB/2666, kí hiệu UNBDDR42666CL19, 01 thanh RAM 8GB/2666, kí hiệu UNBDDR42666CL19; 01 Cụm CPU vi tính FPT C10100FDN(13-10100/4GB/SD 120GB), kí hiệu WT1110210811 cho bị hại và số tiền 3.600.000 đồng cho chị Lê Thị Thanh T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Đối với Lưu Thiện N: Tại thời điểm phạm tội N được 15 tuổi 11 tháng 13 ngày nên căn cứ theo Điều 12 BLHS, N chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan CSĐT Công an quận S không đề cập xử lý hình sự đối với N là có căn cứ.

[8] Đối với chị Lê Thị Thanh T: Chị T là chủ cửa hàng máy tính T, chị T mua 02 màn hình và 04 con chip là các tài sản mà các bị can trộm cắp được. Tuy nhiên khi đồng ý mua, chị T không biết đây là tài sản do các bị can phạm tội mà có và đã giao nộp các tài sản này cho Cơ quan CSĐT Công an quận S, do vậy Cơ quan CSĐT Công an quận S không đề cập xử lý hình sự đối với chị T là có căn cứ.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa tại phiên toà về áp dụng điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như phần xử lý vật chứng là cơ bản phù hợp nên cần chấp nhận.

[10] Án phí HSST mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Tuấn K và bị cáo Nguyễn Anh K phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, điều 58, điều 90, 91, 101, điều 65 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo;

Căn cứ Nghị quyết 01/2022/NQ_HĐTP ngày 15/4/2022 về việc sửa đổi bổ sung Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo;

Xử phạt: Bùi Tuấn K 9 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, điều 58, điều 90, 91, 100, điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Anh K 9 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2/Án phí HSST:Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí HSST các bị cáo Bùi Tuấn K, Nguyễn Anh K mỗi người phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Báo bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND q. S, Tp Đà Nẵng;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THADS q. S, Tp Đà Nẵng;
- Công an quận S, Tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hạnh